

Trường THCS Phan Đăng Lưu

Họ và tên học sinh: Lớp:

Nội dung (Phiếu) học tập Tuần 5: Từ ngày 4/10 đến 9/10/2021

Văn bản: HOÀNG LÊ NHẤT THÔNG CHÍ
(Trích Hồi thứ mười bốn)

Ngô gia văn phái

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả: Ngô gia văn phái

- Nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì.

- Tác giả chính: Ngô Thì Chí (1753 -1788) và Ngô Thì Du (1772 -1840).

2. Tác phẩm:

★ Về “Hoàng Lê nhất thống chí”: xem chú thích 1/sgk/70.

- Xuất xứ: Trích “Hồi 14”

- Thể loại : Chí (Tiểu thuyết chương hồi).

- Phương thức biểu đạt: Tự sự

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Tóm tắt Hồi 14

2. **Phân tích:** Các em có thể đánh dấu các chi tiết vào sgk.

2.1. Hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ

- Hành động mạnh mẽ, quyết đoán, có chủ đích rõ ràng

+ Nghe tin giặc tiến vào Thăng Long, định “thân chinh cầm quân đi ngay”.

+ Trong vòng một tháng, làm nhiều việc lớn: “tể cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, tuyển mộ binh lính, phủ dụ tướng sĩ, hoạch định chiến lược...

- Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén và có tầm nhìn xa trông rộng:

* Quyết định lên ngôi hoàng đế để “chính vị hiệu, yên kẻ phản trắc... người”

* Nhận định tình hình giữa ta và địch.

+ Lời phủ dụ quân lính: “Trong...đất nào sao ấy...bụng dạ ắt khác.” ⇒ khẳng định chủ quyền dân tộc, lên án hành động xâm lăng phi nghĩa.

+ Nhắc lại truyền thống chống ngoại xâm: “Trung Nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng...” ⇒ kêu gọi tướng sĩ đồng tâm hiệp lực đánh đuổi kẻ thù.

* Xét đoán bề tôi và dùng người.

+ Xử trí bề tôi có tình, có lí, hiểu tình thế, khen chê đúng mực: “ Binh pháp dạy rằng quân thua chém tướng...”

+ Đánh giá cao và tin dùng như quân sư. Giao cho Ngô Thì Nhậm “ôn định việc binh đao”, tính sẵn kế hoạch ngoại giao: “...lớn gấp mười...gì chúng?”

- Có ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù.

+ “định thân chinh cầm quân” chinh phạt kẻ thù.

+ Tuyên bố như đinh đóng cột “Lần này ta ra ... Chẳng qua mười ngày có thể đánh đuổi được người Thanh.”

- Tài dụng binh như thần.

+ Hoạch định chiến lược, mở cuộc “hành quân thần tốc”:

- 25 xuất quân từ Huế, 29 tới Nghệ An. Hôm sau ra Tam Điệp. Đêm 30 cúng tết, “lập tức lên đường”.
- Nửa đêm mừng 3 tới Hà Hồi
- Sáng mừng 5 tiến sát Ngọc Hồi, trưa mừng 5 tiến vào Thăng Long.

⇒ Nghệ thuật: liệt kê, câu văn ngắn dồn dập, kể - tả sinh động.

⇒ Cuộc “hành quân thần tốc” vang dội, tạo nên chiến thắng lẫy lừng, khiến kẻ thù phải khiếp sợ và chuốc lấy thảm bại.

- Vị vua oai phong, lẫm liệt trong chiến trận:

+ Là tổng chỉ huy, hoạch định chiến lược, bày binh bố trận...

+ Tự mình thống lĩnh một mũi tiến công.

⇒ Người anh hùng áo vải được khắc họa đậm nét, nồng nàn tinh thần yêu nước. Tiêu biểu cho trang sử hào hùng, vẻ vang của dân tộc.

2.2. Số phận quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

- Tôn Sĩ Nghị: “ngựa không kịp đóng yên, ...chuồn qua cầu phao...”

- Quân sĩ: “hoảng hồn, xô đẩy nhau...chết rất nhiều”

- Vua Lê...đưa thái hậu ra ngoài...cướp lấy chiếc thuyền chèo sang bờ Bắc”

⇒ Nhục nhã, thất bại thảm hại.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

+ Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến sự kiện lịch sử.

+ Khắc họa nhân vật lịch sử qua ngôn ngữ kể, tả chân thực, sinh động.

2. Nội dung: Ghi nhớ Sgk/72

IV. Luyện tập :

Lập sơ đồ tư duy (hệ thống luận điểm) về người anh hùng Quang Trung.

Tiếng Việt: THUẬT NGỮ - TRAU DÒI VỐN TỪ

(Khuyến khích học sinh tự đọc)

I. Thuật ngữ là gì? Sgk/87

II. Đặc điểm của thuật ngữ: sgk/88

III. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ: sgk/99

IV. Rèn luyện để làm tăng vốn từ: sgk/100

III. Luyện tập: Các em viết luận trong sgk/89,90,101,102

Văn bản: “TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU

(Các em đọc và gạch dưới các ý trong sgk/77, 78,79,80)

I. Nguyễn Du

1. Vài nét về cuộc đời:

- Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở Hà Tĩnh. Xuất thân trong gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.
- Cuộc đời ông gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử cuối thế kỉ XVIII, đầu XIX. Ông sống phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc, đi sứ sang Trung Quốc...
- Kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa Trung Quốc. Việc đi nhiều, tiếp xúc nhiều, thêm những thăng trầm trong cuộc sống khiến tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương, tạo nên những tác phẩm nổi tiếng, có giá trị nhân đạo sâu sắc.

2. Sự nghiệp sáng tác:

- Thơ chữ Hán (gồm 243 bài) với ba tập: Thanh Hiên thi tập, Bắc hành tạp lục, Nam trung tạp ngâm.
- Chữ Nôm: Tiêu biểu nhất là “Truyện Kiều”.

II. Truyện Kiều:

1. Nguồn gốc:

- Được viết khoảng đầu thế kỉ XIX, là tác phẩm tiêu biểu của thể loại truyện thơ Nôm, viết bằng thể thơ lục bát, gồm 3254 câu.
- Dựa theo cốt truyện “*Kim Vân Kiều truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Nhưng Nguyễn Du đã có nhiều sáng tạo rất lớn.
- Tên lúc đầu: *Đoạn trường tân thanh*. Sau gọi: *Truyện Kiều*

2. Tóm tắt: Truyện Kiều gồm 3 Phần

(1. Gặp gỡ và đính ước, 2. Gia biến và lưu lạc, 3. Đoàn tụ.)

3. Giá trị nghệ thuật:

- Truyện Kiều là sự kết tinh thành tựu văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ và thể loại. (Thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao rực rỡ. Ngôn ngữ văn học không chỉ có chức năng biểu đạt, biểu cảm mà còn có chức năng thẩm mĩ).
- Với Truyện Kiều nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc: từ nghệ thuật dẫn truyện đến khắc họa và miêu tả tâm lí nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện đã có 3 hình thức (lời nhân vật, lời tác giả, lời tác giả nhưng mang suy nghĩ của nhân vật). Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, chân thực, sinh động.

4. Giá trị nội dung:

- Giá trị hiện thực:
 - + Bức tranh về một xã hội bất công, tàn bạo: Quan lại bất chấp công lý, đồng tiền có thể lực vạn năng. Các thế lực lưu manh ức hiếp, chà đạp người lương thiện
 - + Bức tranh về số phận những con người bị áp bức, vu oan, đau khổ, đặc biệt là số phận người phụ nữ....

- Giá trị nhân đạo:
 - + Tiếng nói xót thương với khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là phụ nữ.
 - + Tiếng nói tố cáo, lên án xã hội phong kiến, các thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống con người.
 - + Tiếng nói đề cao tự do, khát vọng công lí, ca ngợi phẩm chất của con người...
- ⇒ Nguyễn Du là thiên tài văn học, bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn từ, đại thi hào dân tộc, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, danh nhân văn hóa thế giới. Ông đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ dân tộc. Truyện Kiều xứng đáng là kiệt tác.

Văn bản: CHỊ EM THÚY KIỀU
(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả: Nguyễn Du/sgk/77
2. Tác phẩm:
 - Vị trí đoạn trích : Thuộc phần thứ nhất “Gặp gỡ và đính ước”
 - Bố cục : 4 phần.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Giới thiệu chung về hai chị em (4 câu đầu)

- Hai câu đầu: Giới thiệu khái quát và thứ bậc của hai chị em.
 - Hai câu sau:
 - +Bút pháp ước lệ tượng trưng: “Mai cốt cách tuyệt tinh thần”→ vóc dáng mảnh mai, thanh tao; tâm hồn trong sáng.
 - +Thành ngữ “mười phân vẹn mười” → sự hoàn mĩ, lí tưởng.
- ⇒ Hai chị em có vẻ đẹp trong sáng, thanh tao, duyên dáng đến độ hoàn mĩ.

2. Chân dung Thúy Vân (4 câu thơ tiếp)

- +Bút pháp ước lệ tượng trưng: “Khuôn trắng, nét ngài, hoa cười, ngọc thốt, mây thua, tuyết nhường” → gợi tả vẻ đẹp “khuôn mặt, đôi mày, nụ cười, giọng nói, mái tóc, làn da”.
 - +Nghệ thuật liệt kê, so sánh, ẩn dụ.
 - +Từ ngữ giàu sức gợi: trang trọng, đầy đặn, nở nang, đoan trang → vẻ đẹp cao sang, quý phái, phúc hậu.
- >Thúy Vân mang vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang. Dự cảm số phận, cuộc đời nàng sẽ bình lặng, suôn sẻ, yên vui.

3. Nhan sắc, tài năng và tâm hồn nàng Kiều (12 câu tiếp)

3.1. Nhan sắc

- + Từ ngữ “sắc sảo, mặn mà, phần hơn” → gợi sự vượt trội về nhan sắc, tài năng.
- + Bút pháp ước lệ: “làn thu thủy”, “nét xuân sơn” → gợi tả đôi mắt trong sáng, long lanh; đôi mày thanh tú, trẻ trung, sắc nét.
- + Hình ảnh nhân hóa “hoa ghen”, “liều hồn” → vẻ đẹp của Kiều khiến thiên nhiên phải dỗi hờn, ghen tị.
- + Thành ngữ “nghiêng nước nghiêng thành” → cách nói sáng tạo từ điển tích, điển cố → gợi vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân.
- ⇒ Thúy Kiều mang vẻ đẹp hoàn mỹ của một tuyệt thế giai nhân. Dự cảm về số phận éo le, trắc trở, bể dâu, cuộc sống không yên bình.

3.2. Tài năng và tâm hồn nàng Kiều.

- + Từ ngữ “vốn sẵn tính trời, đủ mùi ca ngâm, nghề riêng ăn đứt” → khẳng định tài của Kiều do trời ban, trời định sẵn trở thành sở trường, vượt trội hơn người.
- + Nghệ thuật liệt kê: “thi họa, ca ngâm” → tài năng đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm phong kiến: cầm, kì, thi, họa.
- + Hai câu thơ “Khúc nhà...nỗi nhân” → tài sáng tác của Kiều, nàng thương xót cho những thân phận mỏng manh, bất hạnh.
- ⇒ Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp: Sắc – Tài – Tình.

4. Đức hạnh của hai chị em (4 câu cuối)

- + Phong lưu, êm đềm, đoan chính, gia phong
- ⇒ Nếp sống khuôn phép, gia giáo.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- + Bút pháp ước lệ tượng trưng, thủ pháp đòn bẩy, phép ẩn dụ, nhân hóa.
- + Nghệ thuật xây dựng nhân vật tinh tế, khắc họa những chân dung đa dạng.
- + Lựa chọn và sử dụng ngôn từ tài tình, độc đáo, có giá trị gợi tả, gợi cảm cao.

2. Nội dung: Ghi nhớ Sgk/84

IV. Luyện tập :

Văn bản:

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH (Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả: Nguyễn Du/sgk/77
2. Tác phẩm:
 - Vị trí đoạn trích : Thuộc phần thứ hai “Gia biến và lưu lạc”
 - Bố cục : 3 phần.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích (6 câu đầu)

- Hai chữ “khoá xuân” → tuổi thanh xuân bị chôn chặt ở lầu Ngưng Bích.
 - Hình ảnh mang tính ước lệ “non xa, trăng gần”, từ láy “bát ngát” → không gian dài, rộng, cao, sâu → lầu Ngưng Bích như lơ lửng giữa mênh mông trời đất.
 - Nghệ thuật liệt kê: cát vàng, cồn nọ, bụi hồng, dặm kia → màu sắc nhạt nhoà, hư ảo, ngồn ngộn của cảnh vật.
 - Cụm từ “mây sớm đèn khuya” → vòng thời gian tuần hoàn, khép kín.
- ⇒ Lẻ loi, cô đơn tuyệt đối. Nàng chỉ biết bầu bạn cùng cảnh vật.

2. Nỗi nhớ của Kiều.

*** Nỗi nhớ chàng Kim.**

- “Tuồng người...đồng” → nhớ về đêm trăng thề hẹn, đính ước cùng Kim Trọng.
 - “Tin ...chờ” → thương chàng Kim ngày đêm đau đáu chờ tin nàng mà vô ích.
 - “Bên trời...vơ” → thân phận Kiều lưu lạc, bơ vơ.
 - “Tâm son ...phai” → Tâm lòng thủy chung của Kiều dành cho Kim Trọng. Xót xa vì tâm lòng son sắt ấy đã hoen ố, bị vùi dập, biết bao giờ gột rửa được.
- ⇒ Kiều là người con gái thủy chung, son sắt, nặng ân tình. Đáng trân trọng!

*** Nỗi nhớ cha mẹ:**

- “Xót người tựa cửa” → xót xa cho cha mẹ ngày đêm mong ngóng Kiều lưu lạc.
 - Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” → lo lắng không biết ai sẽ chăm sóc cha mẹ.
 - Điển tích “Sân lai, gốc tử” → xót xa cho cha mẹ tuổi già sức yếu mà nàng không thể phụng dưỡng.
- ⇒ Nỗi day dứt, nhớ thương. Kiều là một người con vô cùng hiếu thảo.

3. Tâm trạng của Kiều. (8 câu cuối)

- Điệp ngữ “Buồn trông” → nhấn mạnh tâm trạng của Kiều – buồn lo trong vô vọng.
 - Những hình ảnh tượng trưng kết hợp các từ láy : thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, âm âm → gợi một cảnh ngộ, một nỗi lòng, một dự cảm về tương lai.
 - + “cửa bể chiều hôm” → không gian buồn
 - + “cánh buồm xa xa” → Kiều cô đơn, bơ vơ, lạc lõng nơi đất khách quê người.
 - + “ngọn nước mới sa” → Kiều lỡ bước, sa chân vào chốn bùn nhơ, hoen ố.
 - + “hoa trôi man mác” → nỗi buồn về thân phận Kiều nổi trôi, lênh đênh, vô định.
 - + “nội cỏ rầu rầu” → sự héo úa, vàng vọt, ủ dột → tâm trạng chán chường vì tương lai mịt mờ, bế tắc.
 - + “gió cuốn mặt duềnh” → lo sợ trước những tai họa, hiểm nguy rình rập
 - + “âm âm tiếng sóng” → những giông tố đang gầm thét bủa vây, sẵn sàng đổ xuống, xô đẩy, vùi dập đời nàng.
- Bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện, kết hợp hệ thống từ láy, hình ảnh ẩn dụ, phép điệp ngữ, đảo ngữ, miêu tả nội tâm...

⇒ Tâm trạng “ngồn ngang trăm mối” cùng nỗi sầu mệnh mang của Kiều qua cách nhìn cảnh vật. Đó là những dự cảm về trắc trở, sóng gió, khổ đau, bất hạnh ập đến cuộc đời Kiều.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.
- Sử dụng độc đáo các biện pháp tu từ, hình ảnh ước lệ, từ ngữ giàu sức gợi.

2. Nội dung: Ghi nhớ Sgk/94

IV. Luyện tập :

Qua các đoạn trích và nội dung Truyện Kiều, hãy viết đoạn văn (15 câu), trình bày suy nghĩ của em về nhân vật Thúy Kiều.

***Dẫn dò:**

- ✓ Đọc trước “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.
- ✓ Cố gắng rèn viết đoạn văn: chú ý dùng từ, chính tả, chấm câu.

***Các thắc mắc cần giải đáp: ...**

Các em nghiên cứu, ghi chép xong. Nếu có thắc mắc gì, các em chú thích lại rồi hỏi trực tiếp thầy cô qua zalo...hoặc các buổi thầy cô dạy online nhé!

Chúc các em học tập vui vẻ. Chăm chỉ học bài và làm bài nhé!